| **Đối tượng người lao động** | **Hưu trí - Tử tuất** | **Ốm đau - Thai sản** | **Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp** | **Tổng cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Làm việc theo:  - HĐLĐ không xác định thời hạn  - HĐLĐ xác định thời hạn  - HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng  - HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| Người lao động chưa thành niên | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| - Cán bộ  - Công chức  - Viên chức | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| - Công nhân quốc phòng  - Công nhân công an  - Người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu đối với trường hợp BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân bàn giao cho BHXH tỉnh | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| - Người quản lý doanh nghiệp  - Người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương. | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa NLĐ đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài có đưa NLĐ đi làm việc ở nước ngoài | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn | 8% mức lương cơ sở | - | - | **8%** |
| Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020 tham gia BHXH bắt buộc theo Nghị định [115/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/nghi-dinh-115-2015-nd-cp-huong-dan-luat-bao-hiem-xa-hoi-bat-buoc-279974.aspx) được áp dụng đối với các hợp đồng sau:  - Hợp đồng đưa NLĐ đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức sự nghiệp được phép đưa NLĐ đi làm việc ở nước ngoài;  - Hợp đồng đưa NLĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề với doanh nghiệp đưa NLĐ đi làm việc theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề;  - Hợp đồng cá nhân. | 22% mức tiền lương tháng đóng BHXH của NLĐ trước khi đi làm việc ở nước ngoài  *(Nếu NLĐ đã có quá trình tham gia BHXH bắt buộc)* | - | - | **22%** |
| 22% của 02 lần mức lương cơ sở  *(Nếu NLĐ chưa tham gia BHXH bắt buộc hoặc đã tham gia BHXH bắt buộc nhưng đã hưởng BHXH một lần)* | - | - | **22%** |
| Người hưởng chế độ phu nhân hoặc phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội 2014. | 22% mức tiền lương tháng đóng BHXH của NLĐ trước đó  *(Nếu NLĐ đã có quá trình tham gia BHXH bắt buộc)* | - | - | **22%** |
| 22% của 02 lần mức lương cơ sở  *(Nếu NLĐ chưa tham gia BHXH bắt buộc hoặc đã tham gia BHXH nhưng đã hưởng BHXH một lần)* | - | - | **22%** |
| Người lao động nước ngoài | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |
| - Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân  - Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân  - Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân | 8% mức tiền lương tháng | - | - | **8%** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng người sử dụng lao động** | **Hưu trí – Tử tuất** | **Ốm đau – Thai sản** | **Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp** | **Tổng cộng** |
| Sử dụng người lao động Việt Nam | 14% | 3% | 0,5% hoặc 0,3% | **17,5% hoặc 17,3%** |
| Sử dụng người lao động nước ngoài | 14% | 3% | 0,5% hoặc 0,3% | **17,5% hoặc 17,3%** |